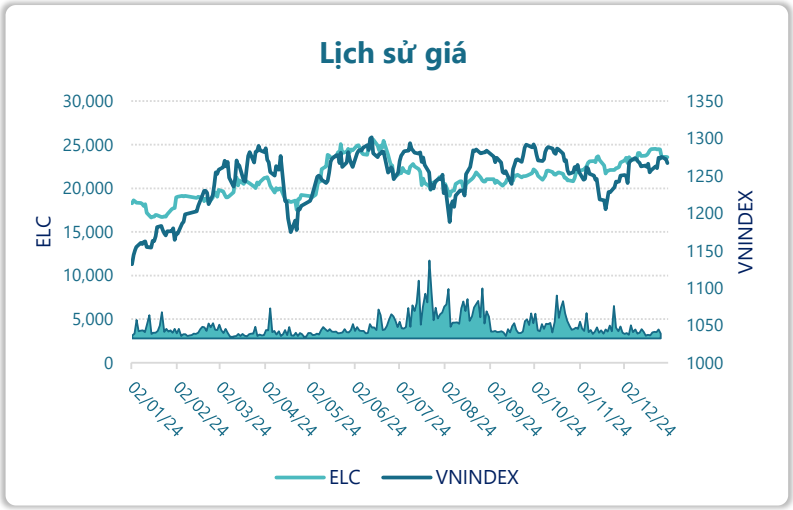
FireAnt

CTCP Công nghệ - Viễn thông ELCOM (HSX: ELC)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,588
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,649
SL cổ phiếu LH	83,290,077
KLGD BQ 20 phiên (CP)	802,145
% sở hữu nước ngoài	3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,241
P/E	23.2
EPS	1,158

DT thuần

Q4/24

373

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 196| 110%

YoY: ▼150| -28.8%

LN sau thuế

Q4/24

78.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 67.5| 625%

YoY: ▲ 37.6| 92.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

15.0%

+/- YoY: ▲ 4.7%

DT thuần

2024

800

tỷ VNĐ

YoY: ▼180| -18.4%

LN sau thuế

2024

101

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.7| 20.0%

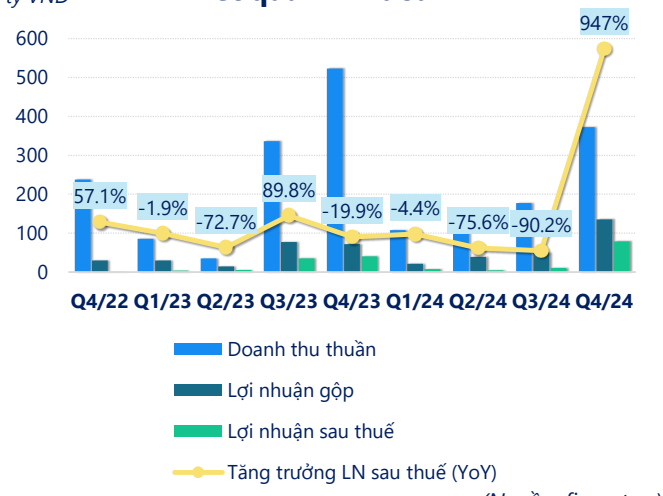
ROE

2024

8.0%

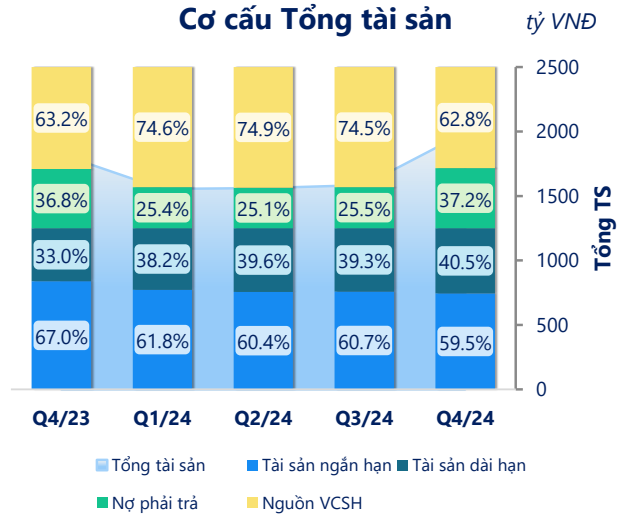
+/- YoY: ▲ 0.5%

Kết quả kinh doanh



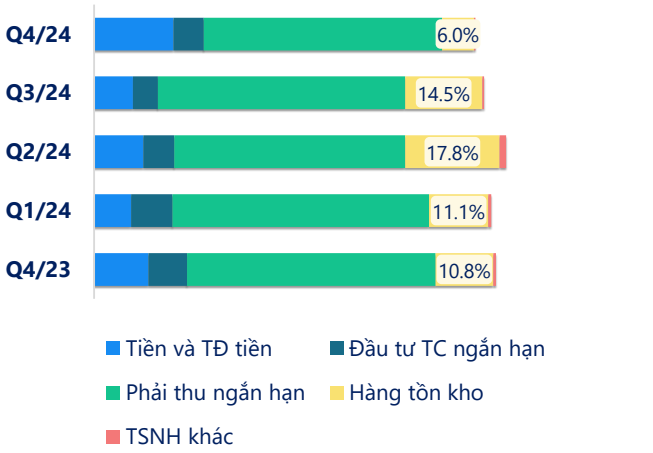
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



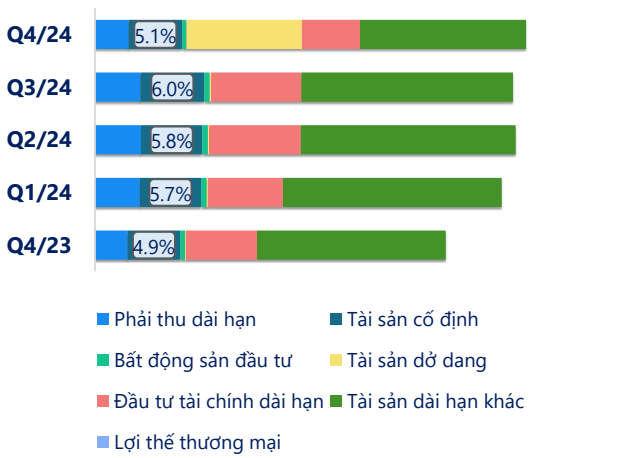
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



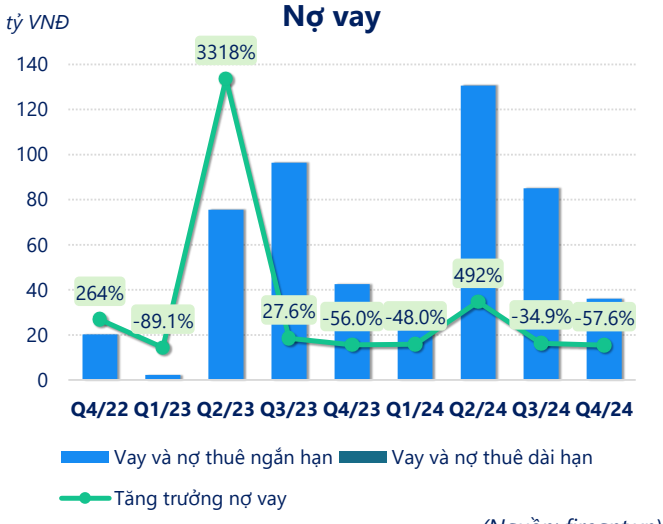
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



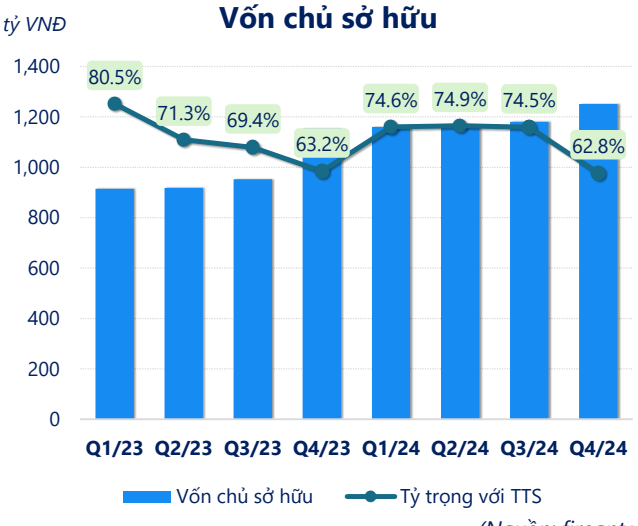
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



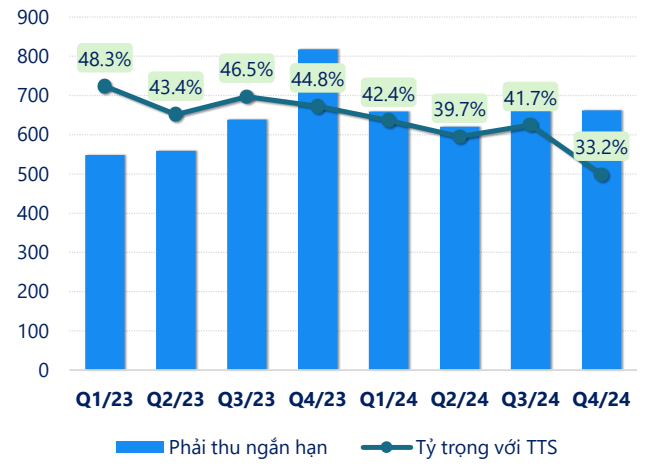
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



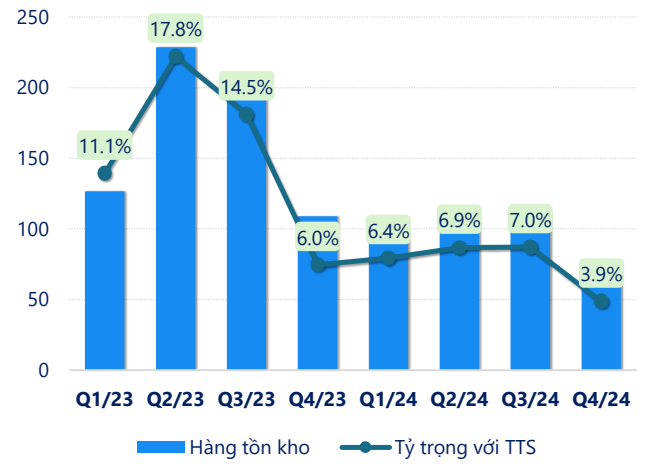
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



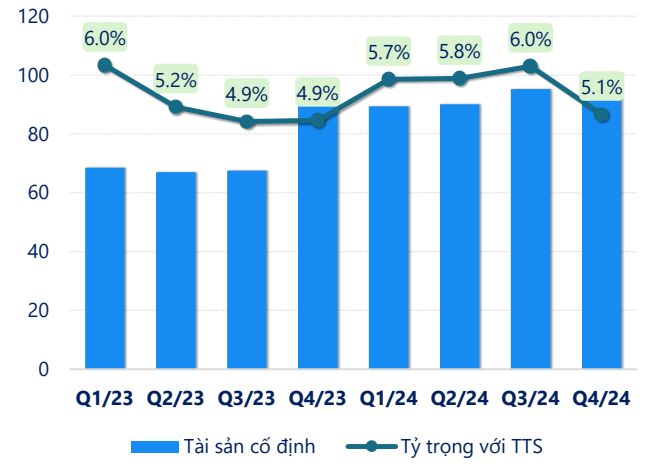
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



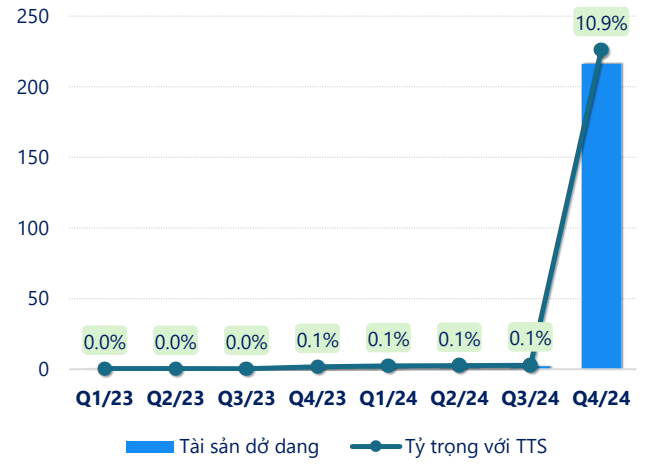
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



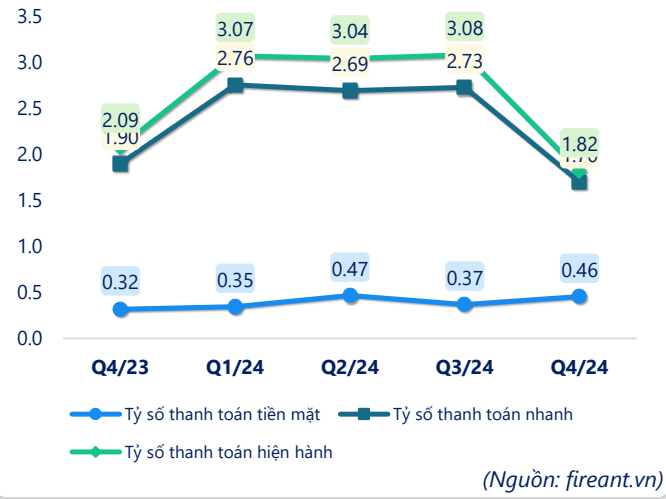
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



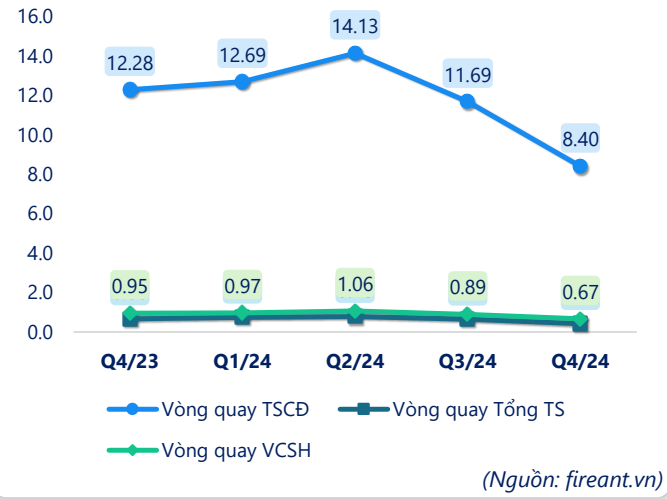
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,823**	**1,555**	**1,562**	**1,585**	**1,992**
Tài sản ngắn hạn	**1,222**	**960**	**944**	**962**	**1,185**
Tiền và tương đương tiền	186	108	145	115	297
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105	89.7	64.8	71.1	145
Phải thu ngắn hạn	817	659	620	660	662
Hàng tồn kho	109	98.9	109	111	77.5
Tài sản ngắn hạn khác	5.05	4.27	5.83	4.25	3.09
Tài sản dài hạn	**601**	**595**	**618**	**623**	**807**
Phải thu dài hạn	56.1	65.7	67.7	67.7	62.8
Tài sản cố định	90.0	89.3	90.1	95.2	101
Bất động sản đầu tư	8.42	8.31	8.19	8.08	7.96
Tài sản dở dang	1.57	1.71	1.91	2.14	216
Đầu tư tài chính dài hạn	122	110	135	135	109
Tài sản dài hạn khác	323	320	316	315	311
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**670**	**395**	**393**	**404**	**741**
Nợ ngắn hạn	**586**	**312**	**310**	**312**	**651**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.5	22.1	131	85.1	36.1
Phải trả người bán ngắn hạn	475	237	128	176	443
Nợ dài hạn	84.7	82.8	82.5	92.3	90.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,153**	**1,159**	**1,170**	**1,180**	**1,251**
Vốn chủ sở hữu	**1,153**	**1,159**	**1,170**	**1,180**	**1,251**
Vốn điều lệ	823	823	833	833	833
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)